

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

21/05/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
1	350565	Quản Đặng Mai Linh	3505	6	19	9	13	64	230	300	530	9.0
2	350563	Nguyễn Hà My	3505	10	23	15	13	42	320	165	485	8.5
3	351528	Nguyễn Thị Thu Hằng	3515	6	13	15	21	38	280	140	420	
4	362122	Dương Thị Thuỷ	3621	7	17	27	27	46	425	190	615	10.0
5	362424	Vũ Thị Hồng Nhung	3624	6	10	11	5	81	140	400	540	9.5
6	361854	Phạm Thị Minh Phượng	3618	4	25	9	29	38	360	140	500	8.5
7	361614	Trần Thị Ngọc Hoa	3616	4	17	13	14	46	240	190	430	
8	361445	Lê Thị Yến	3614	8	14	12	9	49	200	210	410	
9	360765	Nguyễn Thị Nam	3607	8	9	12	11	43	185	170	355	
10	361138	Lê Thị Thu Hằng	3611	2	12	7	8	45	125	180	305	
11	361751	Hồ Thị Diu	3617	6	17	8	13	30	210	90	300	
12	362123	Hà Thị Ngọc Hoa	3621	2	15	11	16	27	210	70	280	
13	360745	Lê Trọng Đạo	3607									
14	370446	Bùi Thúy Quỳnh	3704	10	11	30	29	99	440	495	935	10.0
15	370177	Huỳnh Phương Minh	3701	10	16	30	23	77	430	380	810	10.0
16	372353	Vũ Thị Lan Anh	3723	9	28	27	20	65	465	305	770	10.0
17	371434	Nguyễn Tuấn Hải	3714	8	24	27	26	63	470	290	760	10.0
18	370657	Nguyễn Phương Thảo	3706	4	20	30	28	65	450	305	755	10.0
19	371943	Nguyễn Thị Khánh Vân	3719	5	14	30	21	70	380	335	715	10.0
20	370443	Đặng Thị Thùy Linh	3704	8	25	20	18	68	385	325	710	10.0
21	372401	Vũ Thị Huệ	3724	8	19	24	22	64	395	300	695	10.0
22	371735	Phạm Thị Ngân	3717	9	27	20	19	62	405	285	690	10.0
23	370411	Nguyễn Văn Kết	3704		10	28	30	65	365	305	670	10.0
24	371048	Nguyễn Thị Phương	3710	5	24	29	26	48	465	200	665	10.0
25	372350	Nguyễn Hồng Huệ	3723	6	21	15	19	70	320	335	655	10.0
26	372363	Dương Thu Trang	3723	7	17	14	12	77	250	380	630	10.0
27	372457	Đỗ Mạnh Cường	3724	7	16	18	19	61	315	280	595	10.0
28	370347	Trần Thị Hồng Minh	3703	7	16	21	18	57	325	255	580	10.0
29	371770	Trần Thị Vân Hạnh	3717	9	17	22	17	54	345	235	580	10.0
30	372738	Phạm Thuỳ Linh	3727	8	18	25	15	53	350	230	580	10.0
31	372842	Bùi Thị Trang	3728	8	26	17	15	52	350	225	575	10.0
32	372446	Phạm Thị Thanh Như	3724	7	18	27	18	46	380	190	570	9.5
33	371369	Nguyễn Mai Phương	3713	7	15	14	16	65	260	305	565	9.5
34	372405	Phan Việt Dũng	3724	9	12	10	17	68	240	325	565	9.5
35	370230	Lương Thị Anh Thư	3702	7	22	12	16	59	295	265	560	9.5
36	372556	Nguyễn Thùy Dương	3725	9	21	20	20	45	380	180	560	9.5
37	370339	Phan Hải Yến	3703	4	20	15	17	57	290	255	545	9.5
38	372702	Hoàng Hữu Khuê	3727	7	19	18	28	40	390	150	540	9.5
39	370354	Nguyễn Thị Hưởng	3703	9	25	23	15	39	390	145	535	9.5
40	370844	Nguyễn Thị Hồng Hảo	3708	10	12	15	26	48	330	200	530	9.0
41	371375	Lê Minh Quang	3713	7	18	13	18	52	290	225	515	9.0
42	370478	Phạm Ngọc Huyền	3704	8	19	20	13	47	315	195	510	9.0
43	370944	Nguyễn Khánh Hòa	3709	6	15	21	19	46	320	190	510	9.0
44	372345	Đinh Hoàng Mai	3723	6	11	15	12	61	210	280	490	8.5
45	370437	Nguyễn Thị Thanh Hoa	3704	9	20	19	8	47	290	195	485	8.5
46	372330	Lê Hưng Tứ	3723	6	16	15	16	50	270	215	485	8.5
47	372411	Hà Thị Hiền	3724	9	19	15	16	43	310	170	480	8.5
48	372447	Lê Thị Tuyến	3724	5	14	4	14	65	170	305	475	8.5

KẾT QUẢ THI PHÂN LOẠI TIẾNG ANH - TOEIC

HỌC KỲ : II

NĂM HỌC : 2015 - 2016

MÔN THI : *Thi phân loại tiếng Anh TOEIC*

Ca thi :

21/05/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
49	370971	Lê Mai Khanh	3709	4	19	17	14	47	275	195	470	8.0
50	371630	Nguyễn Hùng Hải	3716	8	15	14	14	49	255	210	465	8.0
51	372639	Tạ Thị An	3726	10	17	13	10	50	250	215	465	8.0
52	372742	Hồ Thị Hồng Hạnh	3727	8	15	15	11	48	245	200	445	
53	370836	Vũ Diệu Hoa	3708	5	15	16	13	47	245	195	440	
54	371128	Phạm Ngọc Long	3711	7	14	15	12	47	240	195	435	
55	371863	Đỗ Thị Hải Ninh	3718	6	13	9	14	55	195	240	435	
56	372352	Nguyễn Thị Thanh Xuân	3723	4	9	7	11	64	135	300	435	
57	371636	Đinh Thị Nho	3716	5	14	11	8	57	175	255	430	
58	372662	Đinh Anh Tuấn	3726	5	16	12	10	53	200	230	430	
59	370410	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	3704	4	17	11	11	52	200	225	425	
60	370909	Bùi Thị Nhung	3709	8	9	15	5	57	170	255	425	
61	371761	Vũ Thị Linh Phương	3717	7	13	14	13	47	230	195	425	
62	372746	Lê Thị Khánh Huyền	3727	5	14	18	11	45	240	180	420	
63	371531	Nguyễn Thị Phương Lan	3715	8	14	15	13	40	250	150	400	
64	372610	Nguyễn Thị Nhung	3726	8	13	18	11	40	250	150	400	
65	371549	Bùi Thị Thảo	3715	7	16	11	11	45	215	180	395	
66	371043	Lê Thị Hồng Loan	3710	10	19	9	11	38	245	140	385	
67	371462	Vũ Thị Bích Liên	3714	10	16	9	17	36	260	125	385	
68	372018	Lê Quỳnh Mai	3720	8	20	18	12	29	300	85	385	
69	371637	Vương Quốc Cường	3716	2	14	14	13	45	200	180	380	
70	372740	Nguyễn Thị Mai Phương	3727	7	18	12	11	38	240	140	380	
71	370456	Bùi Thanh Trà	3704	3	17	16	11	38	230	140	370	
72	371049	Bùi Thị Thanh Ngân	3710	4	12	11	15	44	195	175	370	
73	371218	Thái Thùy Linh	3712	3	9	13	10	48	160	200	360	
74	372403	Bùi Minh Trang	3724	7	11	8	13	45	180	180	360	
75	372445	Nguyễn Thị Cách	3724	8	14	12	9	36	200	125	325	
76	370502	Ninh Thị Hà	3705	4	14	13	11	34	195	115	310	
77	371846	Trần Thị Hoa	3718	8	12	16	7	33	200	110	310	
78	372744	Ngô Văn Minh	3727	3	10	10	12	40	160	150	310	
79	372847	Nguyễn Huy Phương	3728	6	11	9	6	39	140	145	285	
80	372634	Nguyễn Thị Phương Thùy	3726	6	16	11	11	26	210	65	275	
81	372826	Phạm Văn Sơn	3728	4	8	12	9	36	145	125	270	
82	372438	Nguyễn Đức Minh	3724	4				58	5	260	265	
83	372711	Hà Vĩnh Đức	3727	2	9	9	11	34	135	115	250	
84	371826	Nguyễn Thị Huyền Trang	3718	9	10	8	10	27	170	70	240	
85	371930	Nguyễn Quỳnh Anh	3719	5	9	8	11	30	145	90	235	
86	372349	Lê Thị Hồng Thúy	3723	6	14	11	11	21	195	35	230	
87	372865	Nguyễn Thị Thu	3728	3	14	7	6	26	130	65	195	
88	372336	Nguyễn Thị Hương Giang	3723	1	14	5	8	23	120	45	165	
89	372436	Trần Thị Việt Nga	3724	2		8			25		25	
90	371833	Trần Thu Trang	3718									
91	372448	Ngô Thị Tú Anh	3724									
92	382513	Hoàng Thị Thương	3825	10	28	25	22	65	470	305	775	10.0
93	380512	Triệu Hương Thùy	3805	5	23	23	21	58	390	260	650	10.0
94	381948	Nguyễn Cẩm Tú	3819	7	20	18	13	68	300	325	625	10.0
95	382562	Vũ Thị Bích Thủy	3825	9	21	22	12	62	340	285	625	10.0
96	381949	Nguyễn Thị Hoa	3819	7	21	19	14	61	320	280	600	10.0

Ca thi :

21/05/2016

STT	Mã SV	Họ và tên	Lớp	NGHE				ĐỌC (100)	Điểm nghe quy đổi	Điểm đọc quy đổi	TỔNG ĐIỂM	ĐIỂM HỆ 10
				N1 (10)	N1 (30)	N3 (30)	N4 (30)					
97	380551	Đỗ Thị Thuỳ Dung	3805	10	24	20	13	53	360	230	590	10.0
98	381564	Nguyễn Thị Việt Hà	3815	8	20	21	11	55	315	240	555	9.5
99	381328	Trịnh Hồng Ngân	3813	5	19	16	13	57	270	255	525	9.0
100	381066	Nguyễn Hữu Trọng	3810	7	23	18	13	44	320	175	495	8.5
101	382765	Phạm Thuỳ Linh	3827	3	15	13	12	55	200	240	440	
102	380140	Nguyễn Thuỷ Hồng	3801	5	18	12	12	39	230	145	375	
103	390267	Nguyễn Hà Trinh	3902	6	19	14	15	47	275	195	470	8.0

Hà Nội, Ngày tháng năm 2016

TRUNG TÂM CNTT

PHÒNG ĐÀO TẠO

THANH TRA ĐÀO TẠO

TRUNG TÂM ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

BAN GIÁM HIỆU